

MỤC TIÊU GIÁO DỤC
KHỐI MẪU GIÁO - NĂM HỌC 2019 - 2020

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
Thực hiện được các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp.		
1. Thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp	1. Thực hiện đúng, đầy đủ nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	1. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.
* Thể hiện kĩ năng vận động cơ bản và các tố chất trong vận động.		
2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,35m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m.	2. Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). - Đi kiễng gót liên tục 3m.
3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) trong khoảng 30 phút . - Bật xa tối thiểu 50cm . - Nhảy lên xuống từ độ cao 40cm .	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc)	3. Kiểm soát được vận động: - Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3 - 4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài
4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) - Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)	4. Phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện(cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng(khoảng 3m)	4. Phối hợp tay - mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liên không rơi bóng (Khoảng cách 2,5m).

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
<ul style="list-style-type: none"> - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 - 5 lần liên tiếp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Tự đập bắt bóng được 4 - 5 lần liên tiếp 	<ul style="list-style-type: none"> - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm)
<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng(Cao 1,5m, xa 2m) - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu . - Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất . - Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian. 	<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang(xa 2m) - Bò trong đường đích dắc (3- 4 điểm đích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài. 	<p>5. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang (xa 1,5m). - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài.
<p>* Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt.</p>		
<p>6. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay 	<p>6. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cuộn - xoay tròn cổ tay. - Gập, mở các ngón tay. 	<p>6. Thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau
<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa (phecnotuya). 	<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay- mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi. - Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 	<p>7. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc áo.
<p>* Biết 1 số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.</p>		
<p>8. Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p>	<p>8. Biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thịt, cá... có nhiều chất đạm. 	<p>8. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc</p>

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
<ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	<ul style="list-style-type: none"> - Rau quả chín có nhiều vitamin. 	tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)
9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo.	9. Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, kho, rán; gạo nấu cơm, nấu cháo,...	9. Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho và canh rau...
10. Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	10. Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng	10. Biết ăn để chóng lớn khỏe mạnh, và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau
		11. <i>Cân nặng: Trẻ trai: 12,7 – 21,2 kg; Trẻ gái: 12,3 – 21,5kg</i>
		12. <i>Chiều cao: Trẻ trai: 94,4 – 111,7cm, Trẻ gái: 94,1</i>
* Thực hiện được 1 số việc tự phục vụ trong sinh hoạt.		
11. Thực hiện được một số việc đơn giản: <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch. - Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng. - Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. 	11. Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn. 	13. Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: <ul style="list-style-type: none"> - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần áo Sử dụng, bát thìa, cốc đúng cách. <ul style="list-style-type: none"> - Có một số kỹ năng tự phục vụ: đi cầu thang cởi và cất giày dép, cất balô, cách đứng lên và ngồi xuống ghế, cách bê ghế, cách rửa tay, cách lấy nước uống, cách cài khuy áo, cách sử dụng thìa, cốc đúng cách + Biết cách bê ghế

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
		<ul style="list-style-type: none"> + Cách rửa tay + Biết cách súc miệng bằng nước muối + Biết cách lấy nước và uống nước + Biết cách xử lý khi ho + Biết cách xử lý hỉ mũi + Biết mặc áo, cởi áo (móc quần áo)
* Có 1 số hành vi và thói quen tốt trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.		
<p>12. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường. 	<p>12. Có một số hành vi tốt trong ăn uống.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kĩ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không uống nước lã 	<p>14. Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi</p>
<p>13. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhỏ bậy ra lớp. 	<p>13. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Biết nói với người lớn và gọi người giúp đỡ khi bị đau, chảy máu, ngã, cháy, bị lacer. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi quy định. 	<p>15. Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày đi học. - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.
* Biết 1 số nguy cơ ko an toàn và phòng tránh.		
14. Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun,	14. Nhận ra bàn là, bếp đang đun,	16. Nhận ra và tránh một số vật dụng

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.	phích nước nóng.. là nguy hiểm, không đến gần. Biết không nên nghịch các vật sắc nhọn	nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng,...) khi được nhắc nhở.
15. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	15. Nhận ra những nơi như: Ao, hồ, nương nước, bể chứa nước.. là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	17. Biết tránh nơi nguy hiểm (hồ , ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi,..) khi được nhắc nhở.
16. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: Biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.. - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.	16. Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.	18. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không trèo leo lên bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.
17. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ. Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi gọi người lớn giúp đỡ.	17. Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	
18. Thực hiện một số quy định ở trường, nơi		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
<p>công cộng về an toàn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 		
LĨNH VỰC GIÁO DỤC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
* Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng		
<p>19. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa”?.</p>	<p>18. Quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật hiện tượng: " Vì sao cây lại héo? " Vì sao lá cây bị ướn?... </p>	<p>19. Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>
<p>20. Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.</p>	<p>19. Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng</p>	<p>20. Sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>
<p>21. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.</p>	<p>20. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. VD: Pha màu/ đường/ muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.</p>	<p>21. Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>
<p>22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.</p>	<p>21. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh và trò chuyện</p>	<p>22. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>
<p>23. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.</p>	<p>22. Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu</p>	<p>23. Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.</p>

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
* Nhận biết mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng và giải quyết vấn đề đơn giản.		
24. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”. - Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	23. Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD: " Cho thêm đường/muối nên nước ngọt/ mặn hơn".	24. Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi
	24. Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. VD: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	
* Thể hiện hiểu biết về đối tượng bằng các cách khác nhau.		
25. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	25. Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	25. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.
26. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	26. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình.	26. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình... - Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... - Hát các bài hát về cây, con vật... - Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản.
* Nhận biết số đếm, số lượng		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
27. Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: “Bao nhiêu?” ; “Đây là mấy?”...	27. Quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: " Bao nhiêu ? "; " Là số mấy ?" ...	27. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.
28. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. Nhận biết các số từ 5-10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - <i>Đếm trên đối tượng trong phạm vi 20 và đếm theo khả năng. Đếm xuôi, đếm ngược trong phạm vi 20; đếm chẵn, đếm lẻ; đếm cách 5, 10. Nhận biết trật tự dãy số từ 0-10 và tiếp theo khả năng.</i>	28. Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10	28. Đếm trên các đối tượng giống nhau trong phạm vi 5. Đếm vẹt đến 10 và đếm theo khả năng. Đếm ngược từ 0-5.
29. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	29. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	29. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
30. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau). Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	30. Gộp hai nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.	30. Biết tách - gộp trong phạm vi 5 - Biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.
31. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự. - Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	31. Sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	
* Sắp xếp theo qui tắc.		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
32. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu. - Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	32. Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	31. Nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.
* So sánh hai đối tượng		
33. Sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	33. Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của hai đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	32. So sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau.
<i>34. So sánh kích thước các đối tượng. Sắp xếp theo trình tự từ cao đến thấp, từ to đến nhỏ, từ dài đến ngắn, từ nặng đến nhẹ và ngược lại. Nhận ra mối liên quan giữa kích thước của đối tượng.</i>		
* Nhận biết hình dạng:		
35. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	34. Chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật) - Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản	33. Nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.
* Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian.		
36. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	35. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác	34. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.
37. Gọi đúng tên các ngày trong tuần, các mùa trong năm.	36. Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	
* Khám phá xã hội:		
* Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng:		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
38. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	37. Nói họ, tên tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	35. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện
39. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình. - Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện.	38. Nói họ, tên và công việc của bố mẹ và các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	36. Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - Nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình
40. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	39. Nói được địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/ thôn xóm) khi được hỏi, trò chuyện.	37. Nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện
41. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	40. Nói tên địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
42. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	41. Nói tên một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	
	42. Nói tên một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	
* Nhận biết một số nghề phổ biến và nghề truyền thống ở địa phương.		
43. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới”.	43. Kể tên công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề	38. Kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.
* Nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.		
44. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. Ví dụ nói: “Ngày Quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho	44. Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	39. Kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
em đi chơi công viên...”.		
45. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.	45. Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp di tích lịch sử ở địa phương	40. Kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương.
46. Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát		
47. Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra.		
48. Khả năng thao tác đơn giản với máy tính trong một số hoạt động học và chơi phù hợp với độ tuổi.		
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
* Nghe hiểu lời nói:		
49. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ: “Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái”.	46. Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ: “Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng”	41. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”
50. Hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...).	47. Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	42. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa quả...
51. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại .	48. Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	43. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.
* Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày.		
52. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	49. Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	44. Nói rõ các tiếng. Phát âm rõ ràng cho người khác hiểu.
53. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc	50. Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt	45. Sử dụng được các từ thông dụng

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
điểm...phù hợp với ngữ cảnh.	động, đặc điểm,..	chỉ sự vật,hoạt động,đặc điểm.
54. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.	51. Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	46.Sử dụng được câu đơn câu ghép.
55. Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.	52. Kể lại sự việc theo trình tự thời gian.	47.Kể lại những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như thăm ông bà,đi chơi, xem phim.....
56. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao.	53. Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao,..	48.Đọc thuộc bài thơ,ca dao,đồng dao...
57. Kể có thay đổi 1 vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện trong nội dung câu chuyện.	54. Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	49. Kể lại chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người khác.
58. Đóng được vai của nhân vật trong truyện	55. Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	50. Bắt trước giọng nói của nhân vật trong truyện
59. Sử dụng các từ: " Cảm ơn"; " Xin lỗi","Xin phép";" Thưa", " Dạ", "Vâng" ...phù hợp với tình huống .	56. Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, xin cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.	51. Sử dụng các từ : “ Vâng ạ”,”Dạ”, “Thưa” ... Trong giao tiếp.
60. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh .	57. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	52.Nói đủ nghe,không nói lí nhí
* Làm quen với việc đọc - viết		
61. Chọn sách để “đọc” và xem.	58. Chọn sách để xem.	53 . Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh.
62. Kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	59. Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	54. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên theo tranh.
63. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	60. Cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo trang minh họa (“Đọc vẹt”).	55.Thích vẽ viết “ngụch ngoạc”

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
64. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông .	61. Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,...	
65. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	62. Sử dụng kí hiệu để “viết” : tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	
66. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Bắc thước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. - Biết viết tên bản thân theo cách của mình. - Biết “viết” chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.		
67. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện.		
68. Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.		
69. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.		
70. Biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.		
LĨNH VỰC TC - KNXH		
* Thể hiện ý thức về bản thân		
71. Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	63. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	56: Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân
72. Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	64. Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	57:Nói được điều bé thích, không thích
73. Nói được mình có điểm gì giống và khác		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).		
74. Biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.		
75. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.		
* Thể hiện sự tự tin, tự lực		
76. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	65. Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	58: Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.
- Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.		59: Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).
* Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh		
77. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	66. Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	60. Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.
78. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	67. Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	61. Biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận
- Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn.		
79. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	68. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	62. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.
- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	
80. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội	69. Biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê	63. Thích nghe kể chuyện, nghe hát,

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	hương, đất nước.	đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội		
81. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	70. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	64. Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.
8. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	71. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	65. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...
83. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	72. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	66. Chú ý nghe khi cô, bạn nói.
84. Biết chờ đến lượt.	73. Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	67. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.
85. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	74. Biết trao đổi, thoả thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật)	68. Bỏ rác đúng nơi quy định.
8. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).		
87. Có nhóm bạn chơi thường xuyên . - Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân .		
88. Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. - Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác .		

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
89. Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân .		
90. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi.		
* Quan tâm đến môi trường		
91. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	75. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	
92. Bỏ rác đúng nơi quy định . - Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa).	76. Bỏ rác đúng nơi quy định. - Không bẻ cành, bứt hoa.	
93. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	77. Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
* Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
94. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	78. Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	69. Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.
95. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng giao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	79. Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	70. Chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
96. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	80. Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gọi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	71. Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
* Một số kĩ năng trong hoạt động âm nhạc (hát, vận động theo nhạc) và hoạt động tạo hình.		
97. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ.	81. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	72. Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc
98. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).	82. Vận động nhịp nhàng theo, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa	73. Vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).
99. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm .	83. Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	74. Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý..
100. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối .	84. Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục	75. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.
101. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	85. Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	76. Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.
102. Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	86. Làm lổm đổm bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn nhanh thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	77. Lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.
103. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	87. Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	78. Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.

Mẫu giáo Lớn	Mẫu giáo Nhỡ	Mẫu giáo Bé
		- Nhận xét các sản phẩm tạo hình.
104. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	88. Nhận xét, sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng	
* Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)		
105. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	89. Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	79. Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
106. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	90. Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	80. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích, đặt tên cho sản phẩm tạo hình
107. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	91. Nói lên ý tưởng và ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	
108. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	92. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	
109. Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.		

TM. BAN GIÁM HIỆU

TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN

Nguyễn Thị Ngọc Bích

Đỗ Thị Diệp